

<p>Bài tập 2 (cột 2) (M4) - Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo với giáo viên. -GV phỏng vấn HS</p>	<p style="text-align: right;">48 29</p> <p>- Báo cáo kết quả với giáo viên. - 7 - 9</p> <p>77 → 70 → 61 - 8 - 5</p> <p>72 → 64 → 59</p>
<p>3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút) - Giáo viên nhắc lại nội dung tiết học. - Yêu cầu học sinh đọc lại bảng công thức: 65 - 38, 46 - 17, 57 - 28, 78 - 29 - Gv chốt KT bài học - Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực</p>	
<p>4. HĐ sáng tạo: (1 phút) - Bài toán: Hưng có 65 viên bi gồm hai màu xanh và đỏ. Trong đó có 38 viên bi xanh. Hỏi Hưng có bao nhiêu viên bi đỏ? - Dẫn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: Luyện tập</p>	

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI:

PHÒNG TRÁNH NGỘ ĐỘC KHI Ở NHÀ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được một số việc cần làm để phòng tránh ngộ độc khi ở nhà.
- Biết được các biểu hiện khi bị ngộ độc.
- Nêu được một số lí do khiến bị ngộ độc qua đường ăn, uống như thức ăn ôi thiu ăn nhiều quả xanh, uống nhầm thuốc,...

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kĩ năng ra quyết định

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL tư duy logic, NL quan sát ,...

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Hình vẽ trong sách giáo khoa trang 30, 31, một vài vỏ hộp thuốc tây.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, kỹ thuật khăn trải bàn, động não
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. HĐ khởi động: (5 phút)</p>	
<p>- - TBHT điều hành T/C: <i>Bắn tên</i> -<i>Nội dung chơi:</i> + Kể tên những việc cần làm để giữ sạch sân, vườn, khu vệ sinh và chuồng gia súc. + Giữ vệ sinh môi trường xung quanh nhà ở có lợi</p>	<p>- Học sinh tham gia chơi.</p>

<p>gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp, giáo viên theo dõi nhận xét. - Ở tiết Tự nhiên và Xã hội trước các em đã học và biết cách giữ sạch môi trường xung quanh nhà ở. Hôm nay thầy sẽ hướng dẫn các em học bài: Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà. - Giáo viên ghi tựa bài lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét. - Lắng nghe. - Mở sách giáo khoa, 1 vài học sinh nhắc lại tên bài.
<p>2. HĐ hình thành kiến thức mới: (25 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được một số thứ sử dụng trong gia đình có thể gây ngộ độc. - Phát hiện được một số kí do khiến chúng ta có thể bị ngộ độc qua đường ăn uống. - Ý thức được những việc bản thân và người lớn trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc cho mình và cho mọi người. - Biết cách ứng xử khi bản thân hoặc người khác bị ngộ độc. <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Việc 1: Quan sát hình vẽ và thảo luận</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được một số thứ sử dụng trong gia đình có thể gây ngộ độc. - Phát hiện được một số kí do khiến chúng ta có thể bị ngộ độc qua đường ăn uống. <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Động não</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên những thứ có thể gây ngộ độc qua đường ăn, uống? - Mỗi học sinh nêu một thứ. - Cả lớp, giáo viên theo dõi, nhận xét. - Giáo viên ghi lên bảng lớp. <p>Bước 2: Làm việc theo nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hỏi: Trong những thứ các em đã kể trên thì thứ nào thường được cất giữ trong nhà. - Tiếp theo, giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm quan sát các hình 1, 2, 3 trong sách giáo khoa trang 30 và tìm ra các lí do khiến cho chúng ta có thể bị ngộ độc. <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi: + Nếu bạn trong hình ăn bắp ngô thì điều gì có thể xảy ra? Tại sao? - Nhóm 2: Quan sát hình 2 và trả lời câu hỏi + Trên bàn đang có những thứ gì ? + Nếu em bé lấy được lọ thuốc và ăn phải những viên thuốc vì tưởng đó là kẹo, thì điều gì có thể xảy ra? - Nhóm 3: Quan sát hình 3 và trả lời câu hỏi + Nơi góc nhà đang để các thứ gì? + Nếu dễ lẫn lộn dầu hỏa, thuốc trừ sâu hay phân đạm với nước mắm, dầu ăn,... thì điều gì có thể xảy ra với những người trong gia đình? 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh quan sát hình vẽ, thảo luận và phát biểu. - Học sinh suy nghĩ -> chia sẻ -Các bạn cùng tương tác - Học sinh trả lời. - Học sinh quan sát tranh và thảo luận các câu hỏi dành cho nhóm mình. - Học sinh quan sát hình, thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến trong nhóm.

Bước 3: Làm việc cả lớp.

- Đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm khác bổ sung.

***GV kết luận:** Một số thứ có trong nhà có thể gây ngộ độc là: Thuốc trừ sâu, dầu hỏa, thuốc tây, thức ăn ôi thiu, hay thức ăn có ruồi đậu vào.

- Một số người có thể bị ngộ độc do ăn uống vì những lí do sau:

- Uống nhầm dầu hỏa, thuốc trừ sâu,... do chai không có nhãn hoặc dễ lẫn với những thức ăn uống thường ngày.

- Ăn những thức ăn ôi thiu hoặc những thức ăn có ruồi, gián, chuột đựng vào.

- Ăn hoặc uống thuốc tây quá liều vì tưởng là kẹo hay nước ngọt.

Việc 2: Quan sát hình vẽ và thảo luận

Mục tiêu: Ý thức được những việc bản thân và người lớn trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc cho mình và cho mọi người.

Cách tiến hành:

Bước 1: Làm việc theo nhóm.

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tiếp các hình 4, 5, 6 trong sách giáo khoa trang 31 và trả lời câu hỏi.

- Chỉ và nói mọi người đang làm gì? Nêu tác dụng của việc làm đó.

Bước 2: Làm việc cả lớp.

- Đại diện các nhóm lên trình bày. Các nhóm khác theo dõi bổ sung.

- Tiếp theo, giáo viên yêu cầu 1 số học sinh nói trước lớp về những thứ có thể gây ngộ độc và chúng hiện được cất giữ ở đâu trong nhà.

- Các học sinh khác sẽ góp ý xem sự sắp xếp như vậy đã bảo đảm chưa và những thứ đó nên được cất giữ ở đâu là tốt nhất.

***GV kết luận:**

- Để phòng tránh ngộ độc trong nhà chúng ta cần.

+ Sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp những thứ thường dùng trong gia đình.

+ Thuốc men cần để đúng nơi quy định, xa tầm với của trẻ em và nên có tủ thuốc gia đình.

+ Thức ăn không nên để lẫn với chất tẩy rửa hoặc các chất hóa chất khác.

- Xem xét trong nhà của mình và liệt kê những thứ nếu ta ăn hoặc uống nhầm sẽ bị ngộ độc và cho biết chúng được cất ở đâu ?

- Không nên ăn thức ăn ôi thiu. Phải rửa sạch thức ăn trước khi đem chế biến và không để ruồi, gián, chuột... đựng vào thức ăn dù còn sống hay đã nấu chín.

- Đại diện nhóm lên trình bày

- Học sinh theo dõi.

-HS thảo luận nhóm.

- Đại diện nhóm lên chia sẻ ý kiến.

- HS thảo luận.

- Học sinh đưa ra tình huống và phân vai, tập đóng trong nhóm.

- Các loại phân bón, thuốc trừ sâu, bả chuột, dầu hỏa, xăng,... cần được cất giữ riêng và có nhãn mác để tránh sử dụng nhầm lẫn.

Việc 3: Đóng vai

Mục tiêu: Biết cách ứng xử khi bản thân hoặc người khác bị ngộ độc.

Cách tiến hành:

- Giáo viên theo dõi, nhận xét.

+ Bước 1: Làm việc theo nhóm.

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.

- Các nhóm sẽ đưa ra tình huống để tập ứng xử khi bản thân hoặc người khác khi bị ngộ độc.

Ví dụ: Nhóm 1 và 2 sẽ tập cách ứng xử khi bản thân bị ngộ độc. Nhóm 3 và 4 sẽ tập cách ứng xử khi một người thân trong gia đình bị ngộ độc.

- Các nhóm đưa ra tình huống và phân vai, tập đóng trong nhóm.

- Giáo viên đi tới các nhóm giúp đỡ.

- Dưới đây là một tình huống để giáo viên gợi ý cho học sinh tham khảo.

+ *Em của bạn tình cờ uống phải 1 thứ độc hại trong nhà. Bạn đang chơi ngoài sân thì nhìn thấy em khóc, kêu đau bụng và rất sợ hãi hướng về phía mình. Đóng vai để thể hiện những gì bạn sẽ làm.*

Bước 2: Làm việc cả lớp.

- Mời học sinh lên đóng vai, các học sinh khác theo dõi và đặt mình vào địa vị nhân vật trong tình huống nhóm bạn đưa ra và cùng thảo luận để đi đến lựa chọn cách ứng xử đúng.

***GV kết luận:** Khi bị ngộ độc cần phải báo cho người lớn biết và gọi cấp cứu. Nhớ đem theo hoặc nói cho cán bộ y tế biết bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc thứ gì?

- Hỏi nhanh em đã uống gì, kêu cứu và nhờ người lớn hoặc thuê xe hay gọi cấp cứu, đưa ngay em và vỏ chai hay một ít chất độc đến cán bộ y tế.

- Học sinh lên đóng vai.

- Lắng nghe, ghi nhớ.

4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)

-Nêu lại ND bài học

+Nêu một số biểu hiện khi bị ngộ độc.

+ Nêu một số lí do khiến bị ngộ độc qua đường ăn, uống như thức ăn ôi thiu ăn nhiều quả xanh, uống nhầm thuốc,...

5. HĐ sáng tạo: (2 phút)

-Cùng gia đình thực hiện một số việc cần làm để phòng tránh ngộ độc khi ở nhà.

- Giáo viên nhận xét tiết học

- Dặn học sinh về xem lại bài. Luôn có ý thức phòng tránh ngộ độc khi ở nhà. Luôn có ý thức phòng tránh ngộ độc khi ở nhà và xem trước bài: **Trường học**

Thứ tư ngày 4 tháng 12 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

**TỪ NGỮ VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH.
CÂU KIỂU: AI LÀM GÌ? DẤU CHẤM HỎI.**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được một số từ ngữ về tình cảm gia đình.(BT1)
- Biết sắp xếp các từ đã cho thành câu theo mẫu Ai làm gì?(BT2)
- Điền đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi vào đoạn văn có ô trống.(BT3)

2. Kỹ năng: Giúp học sinh mở rộng vốn từ và rèn kỹ năng sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Bảng phụ ghi nội dung bài tập 2 và 3, sách giáo khoa, P.HT.
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
- TBHT điều hành trò chơi: Truyền điện -ND: Tổ chức cho học sinh nối tiếp nhau đặt câu kiểu Ai làm gì? - Giáo viên tổng kết trò chơi, nhận xét, tuyên dương học sinh. - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng: Từ ngữ về tình cảm gia đình. Câu kiểu: Ai làm gì?, Dấu chấm hỏi.	- Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe - Học sinh mở sách giáo khoa và vở Bài tập
2. HĐ thực hành (27 phút) *Mục tiêu: - Nêu được một số từ ngữ về tình cảm gia đình.(BT1) - Biết sắp xếp các từ đã cho thành câu theo mẫu Ai làm gì?(BT2) - Điền đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi vào đoạn văn có ô trống.(BT3) *Cách tiến hành:	
Bài tập 1: Làm việc cá nhân - Gọi học sinh nêu yêu cầu của bài tập. - Yêu cầu học sinh suy nghĩ -> chia sẻ - Giáo viên ghi bảng các từ học sinh vừa tìm được.	- Hãy tìm 3 từ nói về tình cảm thương yêu giữa anh chị em. *Dự kiến ND chia sẻ: + Giúp đỡ, chăm sóc, chăm lo, chăm chút, nhường nhịn, yêu thương, quý mến,...

- Yêu cầu học sinh đọc các từ đã tìm được.

Bài tập 2: Làm việc theo nhóm

-GV gọi HS đọc YC bài

- Lưu ý: Chữ đầu câu viết hoa cuối câu có dấu chấm.Với 3 nhóm từ đã cho, tạo thành rất nhiều câu theo mẫu: *Ai làm gì?*

- Giáo viên nhận xét chốt lại ý đúng.

Bài tập 3: Làm việc cá nhân → Chia sẻ trước lớp

- Yêu cầu học sinh làm bài cá nhân.

- Yêu cầu học sinh đọc bài làm của mình.

- Cả lớp và giáo viên nhận xét chốt ý đúng.

- Truyện này buồn cười ở chỗ nào?

***Gv kết luận:** Khi viết hết câu phải có dấu câu. Nếu là câu kể thì dùng dấu (.), còn là câu hỏi thì phải dùng dấu (?).

Theo dõi, giúp đỡ đối tượng MI hoàn thành BT

3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)

- Hỏi lại tựa bài.

- Hỏi lại những điều cần nhớ.

- Em hãy đặt câu theo mẫu *Ai làm gì?*

VD: Chị Vui chăm sóc bé Vẻ rất chu đáo.

- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học.

- Học sinh đọc các từ vừa tìm được.

- Sắp xếp các từ ở 3 nhóm sau thành câu:

- Học sinh thảo luận theo N 4. Làm vào P.HT.

- 3 nhóm làm vào bảng phụ.Làm xong đính bảng, và chia sẻ KQ:

<i>Ai</i>	<i>làm gì?</i>
Anh	chăm sóc cho em.
Chị	chăm sóc em.
Em	Giúp đỡ anh .
Chị em	Chăm sóc nhau,...

- Cả lớp nhận xét.

- Chọn dấu chấm hay dấu chấm hỏi để điền vào ô trống.

- Học sinh làm bài. 2 học sinh lên bảng.

- Một số học sinh chia sẻ bài làm của mình.

***Dự kiến ND chia sẻ:**

Bé nói với mẹ:

- Con xin mẹ tờ giấy để viết thư cho bạn Hà (.)

- Mẹ ngạc nhiên:

Nhưng con đã biết viết đâu (?)

Bé đáp:

Không sao, mẹ ạ! Bạn Hà cũng chưa biết đọc (.)

- Học sinh làm bài vào vở.

- Cả lớp nhận xét.

- 2 học sinh đọc lại truyện vui.

- Học sinh trả lời.

- Học sinh lắng nghe, ghi nhớ.

4. HĐ sáng tạo (2 phút)

- Viết một đoạn văn khoảng 3– 5 câu theo mẫu câu *Ai làm gì?*
- Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, tìm thêm các từ chỉ tình cảm gia đình.
- Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần học tập tốt.
- Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, chuẩn bị bài: ***Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu: Ai thế nào?***

TẬP VIẾT

CHỮ HOA M

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Viết đúng chữ hoa **M** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: **Miếng** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), **Miếng nói tay làm** (3 lần)

2. **Kỹ năng:** Hiểu nội dung câu ứng dụng: **Miếng nói tay làm** là nói đi đôi với làm.

3. **Thái độ:** Rèn tính cẩn thận, chính xác. Yêu thích luyện chữ đẹp.

4. **Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Mẫu chữ (cỡ vừa), bảng phụ viết sẵn mẫu chữ, câu ứng dụng trên dòng kẻ (cỡ vừa và nhỏ)

- Học sinh: Vở Tập viết – Bảng con.

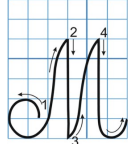
2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- TBVN bắt nhịp cho lớp hát tập thể- Cho học sinh xem một số vở của những bạn viết đẹp giờ trước. Nhắc nhở lớp học tập các bạn- Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng.	<ul style="list-style-type: none">- Hát bài: <i>Chữ đẹp, nét càng ngoan</i>- Học sinh quan sát và lắng nghe- Theo dõi
2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết: (10 phút) *Mục tiêu: Biết viết chữ hoa theo cỡ vừa và nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng. *Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp	
Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét: <ul style="list-style-type: none">- Giáo viên treo chữ M hoa (đặt trong khung)- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát, nhận xét:	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh quan sát.-> Học sinh chia sẻ cặp đôi-> Thống nhất trước lớp



- + Chữ M cao mấy li?
- + Chữ M gồm mấy nét? Là những nét nào?

Việc 2: Hướng dẫn viết:

- Nhắc lại cấu tạo nét chữ: Chữ hoa **M** gồm 4 nét: móc ngược trái, thẳng xiên và móc ngược phải.
- Giáo viên nêu cách viết chữ.
- Giáo viên viết mẫu chữ **M** cỡ vừa trên bảng lớp, hướng dẫn học sinh viết trên bảng con.
- Giáo viên nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét.

Việc 3: Hướng dẫn viết câu ứng dụng

- Giáo viên giới thiệu câu ứng dụng.
- Gọi học sinh đọc câu ứng dụng.
- Giúp học sinh hiểu nghĩa câu ứng dụng: **Miệng nói tay làm** là nói đi đôi với làm.
- Hướng dẫn học sinh quan sát nhận xét:

- + Các chữ **M, l, g, y** cao mấy li?
- + Con chữ **t** cao mấy li?
- + Những con chữ nào có độ cao bằng nhau và cao mấy li?
- + Đặt dấu thanh ở những chữ cái nào?

- + Khoảng cách giữa các chữ như thế nào?

- Giáo viên viết mẫu chữ **M** (cỡ vừa và nhỏ).
- Luyện viết bảng con chữ **Miệng**
- Giáo viên theo dõi, uốn nắn. Lưu ý học sinh cách viết liền mạch.

3. HĐ thực hành viết trong vở: (15 phút)

***Mục tiêu:** Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết.

***Cách tiến hành:** **Hoạt động cả lớp - cá nhân**

Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.

- Giáo viên nêu yêu cầu viết:
- + 1 dòng chữ **M** cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ
- + 1 dòng chữ **Miệng** cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ

- + Cao 5 ô ly (Kiểu 1).
- + Gồm 4 nét: móc ngược trái, thẳng xiên và móc ngược phải (Kiểu 1).

- Học sinh lắng nghe.

- Học sinh lắng nghe, ghi nhớ.
- Quan sát và thực hành

- Lắng nghe
- Quan sát, đọc
- Học sinh đọc câu ứng dụng
- Lắng nghe
- Học sinh nhận xét

***Dự kiến ND HS chia sẻ:**

- + Cao 2 li rưỡi.
- + Cao 1 li rưỡi.
- + Các chữ **i, ê, n, o, a, m** có độ cao bằng nhau và cao 1 li.
- + Dấu nặng đặt dưới con chữ **ê** trong chữ **Miệng**, dấu sắc đặt trên con chữ **o** trong chữ **nói** và dấu huyền đặt trên con chữ **a** trong chữ **làm**.
- + Khoảng cách giữa các chữ rộng bằng khoảng 1 con chữ.
- Quan sát.
- Học sinh viết chữ **Miệng** trên bảng con.
- Lắng nghe và thực hiện

- Quan sát, lắng nghe

<p>+ 3 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết. - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút. <p>Việc 2: Viết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh của giáo viên. - Theo dõi, giúp đỡ học sinh viết chậm. <p><i>Lưu ý theo dõi và giúp đỡ đối tượng MI</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và thực hiện - Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chấm một số bài. - HS nhắc lại quy trình viết chữ <i>M</i> - Nhận xét, tuyên dương những học sinh viết tốt. - Trưng bày một số bài đẹp cho cả lớp lên tham khảo. - Yêu cầu học sinh nhắc lại nội dung bài học, những điểm cần ghi nhớ 	
<p>5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết chữ hoa “<i>M</i>” và câu “<i>Miệng nói tay làm</i>” kiểu chữ sáng tạo. - Về nhà tự luyện viết thêm cho đẹp. - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu học sinh về hoàn thành nốt bài viết và tự luyện viết thêm cho đẹp. 	

TOÁN

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thuộc bảng 15,16,17,18 trừ đi một số.
- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng đã học.
- Biết giải bài toán về ít hơn.

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng làm tính phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng đã học và giải bài toán về ít hơn.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1, bài tập 2 (cột 1,2), bài tập 3, bài tập 4.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.
- Học sinh: sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
---------------	---------------